

*Cần Thơ, ngày 25 tháng 08 năm 2018*

## **BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

*(Ban hành theo Quyết định số: 354/QĐ-ĐHNCT ngày 25 tháng 08 năm 2018 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Nam Cần Thơ*

### **1. Mô tả chương trình đào tạo**

#### **1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh nhằm đào tạo Cử nhân Quản trị kinh doanh có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc đạt hiệu quả ở các lĩnh vực liên quan đến hoạt động sản xuất – kinh doanh trong doanh nghiệp.

#### **1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo**

Tên chương trình (tiếng Việt)	Quản trị kinh doanh
Tên chương trình (tiếng Anh)	Business administration
Mã ngành đào tạo	7340101
Trường cấp bằng	Trường Đại Học Nam Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Cử nhân quản trị kinh doanh
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	127
Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	4 năm
Đối tượng tuyển sinh	Học sinh tốt nghiệp THPT
Thang điểm đánh giá	10
	- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo đạt 127 tín chỉ; - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên;

Điều kiện tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt chuẩn đầu ra về trình độ tiếng Anh và Tin học theo quy định chung của Nhà trường.</li> <li>- Đạt chuẩn đầu ra Kỹ năng mềm và Kỹ năng nghề nghiệp;</li> <li>- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng-An ninh và Giáo dục thể chất.</li> </ul>
Vị trí việc làm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhân viên, chuyên viên trong các tổ chức kinh doanh;</li> <li>- Chuyên viên marketing, bán hàng, chăm sóc khách hàng, nghiên cứu thị trường;</li> <li>- Quản lý cấp trung và phát triển lên cấp cao khi hội tụ đủ các điều kiện cần thiết về kinh nghiệm, bản lĩnh, khả năng trong các doanh nghiệp.</li> </ul>
Học tập nâng cao trình độ	Có thể tiếp tục học thạc sĩ và tiến sĩ trong và ngoài nước.
Chương trình tham khảo khi xây dựng	Chương trình đào tạo ở nước ngoài; CTĐT của ĐH Kinh tế Tp. HCM và ĐH Quốc gia Tp. HCM.
Thời gian cập nhật bản mô tả	08/2018

## 2. Mục tiêu đào tạo

### 2.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của chương trình đào tạo cử nhân quản trị kinh doanh là trang bị cho sinh viên kiến thức vững chắc để có thể quản trị các doanh nghiệp, kiến thức và năng lực quản lý đáp ứng được yêu cầu của việc làm trong kinh doanh và có thể theo học các cấp cao hơn của ngành quản trị kinh doanh.

Người học sau khi hoàn thành chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, hiểu biết các chuẩn mực đạo đức kinh doanh; có trách nhiệm đối với xã hội, hiểu biết sâu rộng về phát triển kinh tế của đất nước và các vấn đề kinh tế xã hội và chính sách phát triển kinh tế

### 2.2. Mục tiêu cụ thể

M1. Hiểu biết và có khả năng vận dụng kiến thức đã được trang bị vào việc giải quyết các vấn đề trong quản trị kinh doanh với tư duy chiến lược và sáng tạo.

M2. Hình thành và phát triển năng lực quản lý kinh doanh điều hành các công ty/doanh nghiệp.

M3. Kiến thức chuyên môn về quản trị kinh doanh, marketing, bán hàng để đáp ứng các yêu cầu trong công việc như điều hành, quản lý công việc kinh doanh, xúc tiến thương mại,...

M4. Có kiến thức liên quan đến việc tổ chức, thực hiện các công việc tác nghiệp và quản lý ở các lĩnh vực quản trị nhân sự, sản xuất, chất lượng, marketing, kế hoạch,...

M5. Có kiến thức về phương pháp luận giải quyết vấn đề trong doanh nghiệp/tổ chức liên quan đến hoạt động sản xuất – kinh doanh, marketing, bán hàng, chăm sóc khách hàng.

M6. Phát triển được kỹ năng làm việc chuyên nghiệp, kỹ năng truyền thông kinh doanh, kỹ năng giao tiếp làm việc nhóm và hình thành kỹ năng tự học, tự nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên ngành, và có khả năng thích ứng với môi trường làm việc thay đổi.

### **3. Chuẩn đầu ra**

#### **3.1. Về kiến thức**

- **Kiến thức chung**

**PO1:** Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản của CN MLN, TT HCM, đường lối CM của ĐCSVN, pháp luật VN, trong nghề nghiệp và cuộc sống.

**PO2:** Kiến thức để có thể điều hành/quản trị các doanh nghiệp, kiến thức và năng lực quản lý đáp ứng được yêu cầu của việc làm trong kinh doanh và có thể theo học các cấp cao hơn của ngành quản trị kinh doanh.

**PO3:** Có kiến thức cơ bản về các nguyên lý kinh tế vận dụng trong phân tích và giải thích các vấn đề kinh tế tầm vi mô và vĩ mô.

**PO4:** Kiến thức cơ bản về kế toán, tài chính, tài chính – tín dụng trong nền kinh tế thị trường, làm nền tảng để nghiên cứu các môn chuyên ngành quản trị kinh doanh.

- **Kiến thức chuyên môn**

**PO5:** Kiến thức liên quan đến việc tổ chức, lập kế hoạch, thực hiện các công việc tác nghiệp và quản lý ở các lĩnh vực như nhân sự, sản xuất, quản trị chất lượng, marketing, kế hoạch kinh doanh.

**PO6:** Nắm vững kiến thức về phương pháp luận giải quyết vấn đề trong doanh nghiệp/tổ chức liên quan đến phân tích môi trường kinh doanh, marketing, bán hàng, chăm sóc khách hàng.

#### **3.2. Về kỹ năng**

##### **Kỹ năng chuyên môn**

**PO7:** Kỹ năng phân tích, đánh giá vấn đề liên quan đến vận hành hệ thống sản xuất – kinh doanh trong doanh nghiệp và các tổ chức.

**PO8:** Kỹ năng đàm phán - thương lượng, xử lý và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành hệ thống của doanh nghiệp và tổ chức.

**PO9:** Kỹ năng thực hiện công việc tác nghiệp liên quan đến sản xuất, nhân sự, marketing, bán hàng, chăm sóc khách hàng, hậu mãi.

**PO10:** Kỹ năng hoạch định, tổ chức, thực thi, kiểm tra, kiểm soát các vấn đề liên quan đến chiến lược, kế hoạch kinh doanh, marketing, bán hàng.

**PO11:** Có khả năng dự toán, phân tích, đánh giá và ra các quyết định kinh doanh, tài chính.

**PO12:** Có khả năng về nghiên cứu khoa học, làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm.

### **Kỹ năng mềm:**

**PO13:** Các kỹ năng cá nhân: Kỹ năng quản lý và lãnh đạo, giao tiếp, sử dụng ngoại ngữ và tin học.

**PO14:** Khả năng nhận thức tầm quan trọng của các vấn đề kinh tế để tìm kiếm giải pháp làm tăng hiệu quả sử dụng nguồn tài nguyên khan hiếm.

### **3.3. Về Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm**

**PO15:** Tự tin trong công việc liên quan đến quản trị kinh doanh, linh hoạt trong việc tìm các giải pháp trong và ngoài chuyên môn, đương đầu với rủi ro, nhiệt tình, say mê, sáng tạo, hiểu biết văn hóa và có khát vọng vươn lên để trở thành nhà quản lý.

**PO16:** Chấp hành các quy định của nhà nước và pháp luật, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, trân trọng các giá trị đạo đức của dân tộc, hiểu biết vai trò của ngành quản trị kinh doanh trong cộng đồng để nâng cao giá trị của cuộc sống.

## **4. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo															
	Kiến thức chuyên môn						Kỹ năng								NL Tự chủ trách nhiệm	
	PO 1	PO 2	PO 3	PO 4	PO 5	PO 6	PO 7	PO 8	PO 9	PO 10	PO 11	PO 12	PO 13	PO 14	PO 15	PO 16
M1	x	x	x				x	x	x	x	x					
M2	x	x	x	x	x		x	x	x	x			x			
M3		x	x	x		x	x	x	x	x		x				
M4			x		x		x	x	x	x				x	x	x
M5												x		x	x	x
M6															x	x

## **5. Khối lượng kiến thức đào tạo toàn khoá học: 127 TC**

(Không kể các kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – An ninh)

**Kiến thức giáo dục đại cương 36**

**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 91**

Trong đó:

- Kiến thức cơ sở khối ngành 12
- Kiến thức cơ sở ngành 11
- Kiến thức ngành 17
- Kiến thức chuyên ngành 41
- Thực tập nghề nghiệp và khoá luận 10

## **6. Đối tượng tuyển sinh**

Theo Quy chế tuyển sinh Đại học Cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 05/2008/QĐ-BGDĐT ngày 05/02/2008. Mọi công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo.

Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

**7.1. Quy trình đào tạo:** Theo hệ thống tín chỉ.

Thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành “ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”.

Quá trình đào tạo được tổ chức theo khóa và năm học. Một năm có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần kiểm tra, thi. Ngoài hai học kỳ chính, trường sẽ tổ chức thêm một học kỳ hè để cho những sinh viên thi không đạt ở các học kỳ chính được học lại.

### **7.2. Điều kiện tốt nghiệp**

Sinh viên hoàn tất chương trình đào tạo được xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp theo qui chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Nam Cần Thơ (Quyết định số: 573/ĐHNCT Quyết định ban hành quy định tổ chức đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường ĐHNCT).

- Đạt trình độ tiếng Anh (Tương đương B1 theo khung tham chiếu năng lực ngoại ngữ chung Châu Âu) và trình độ tin học.

- Đạt chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh; Giáo dục Thể chất; Kỹ năng mềm; Kỹ năng nghề nghiệp.

## **8. Phương pháp/chiến lược dạy – học và phương pháp kiểm tra đánh giá**

### **8.1 Phương pháp/chiến lược dạy – học**

#### **Các phương pháp dạy học**

<b>Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học</b>	<b>Mục đích</b>
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.

### **Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học**

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm một lần hướng điều chỉnh đáp ứng yêu cầu của sinh viên tốt nghiệp.

- Hàng năm khoa xây dựng kế hoạch dự giờ của GV đặc biệt là GV trẻ để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp dạy nâng cao năng lực GV.

- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, trách nhiệm của GV.

### **8.2 Thang điểm, hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm**

<b>TT</b>	<b>Hình thức</b>	<b>Trọng số (%)</b>	<b>Tiêu chí đánh giá</b>	<b>Điểm tối đa</b>
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5 5
2	Bài tập cá nhân	15	Chất lượng sản phẩm giao nộp	10
3	Bài kiểm tra định kỳ	25	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	10

### **9. Nội dung chương trình**

#### **9.1 Kiến thức giáo dục đại cương: 36 TC**

*Lý luận chính trị: 10 TC*

<b>STT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>TC</b>
1	Triết học	2
2	Kinh tế chính trị	2
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2

*Khoa học xã hội: 8 TC*

<b>STT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>TC</b>
	<b>Học phần bắt buộc</b>	<b>6</b>
6	Pháp luật đại cương	2
7	Tâm lý ứng dụng trong kinh doanh	2
	<b>Học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần)</b>	<b>2</b>
8	Tâm lý học đại cương	2
9	Logic học	2

*Nhân văn – nghệ thuật (chọn 1 trong 2 học phần): 2 TC*

<b>STT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>TC</b>
10	Giao tiếp kinh doanh	2
11	Hành vi khách hàng	2

***Ngoại ngữ: 9 TC***

<b>STT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>TC</b>
12	Tiếng Anh căn bản 1	3
13	Tiếng Anh căn bản 2	3
14	Tiếng Anh căn bản 3	3

***Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên: 9 TC***

<b>STT</b>	<b>Tên học Phần</b>	<b>TC</b>
15	Toán cao cấp	3
16	Lý thuyết xác suất và thống kê	3
17	Tin học căn bản	3

***Giáo dục thể chất: 3 TC***

***Giáo dục quốc phòng – An ninh: 8 TC***

**9.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 91 TC**

***Kiến thức cơ sở của khối ngành***

<b>STT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>TC</b>
18	Kinh tế vi mô	3
19	Kinh tế vĩ mô	3
20	Quản trị học	3
21	Marketing căn bản	3
<b><i>Tổng cộng</i></b>		<b>12</b>

***Kiến thức cơ sở của ngành***

<b>STT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>TC</b>
22	Nguyên lý kế toán	3
23	Luật kinh tế	2
24	Lý thuyết tài chính – tiền tệ	3
25	Kinh tế lượng	3
<b><i>Tổng cộng</i></b>		<b>11</b>

***Kiến thức ngành***

<b>STT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>TC</b>
26	Hệ thống thông tin quản lý	2
27	Nghiên cứu Marketing	3
28	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	3
29	Thực hành nghề nghiệp 1	2
30	Hành vi tổ chức	2
31	Quản trị tài chính	3
32	Thương mại điện tử	2
<b><i>Tổng cộng</i></b>		<b>17</b>

**Kiến thức chuyên ngành**

STT	Tên học phần	TC
	<b>Học phần bắt buộc</b>	<b>33</b>
33	Quản trị nhân lực	2
34	Quản trị chiến lược	3
35	Quản trị chất lượng	2
36	Quản trị sản xuất	3
37	Quản trị thương hiệu	3
38	Quản trị bán hàng	2
39	Quản trị Marketing	3
40	Phân tích hoạt động kinh doanh	3
41	Kế toán quản trị	3
42	Kế toán tài chính	3
43	Anh văn chuyên ngành 1 (QTKD)	3
44	Anh văn chuyên ngành 2 (QTKD)	3
	<b>Tự chọn</b>	<b>8</b>
45	Quản trị hành chính văn phòng	2
46	Thị trường chứng khoán	2
47	Khởi tạo doanh nghiệp	2
48	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	2
49	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	2
50	Thanh toán quốc tế	2
51	Thuế	2
52	Tin học nâng cao	3
53	Quan hệ công chúng	2
54	Kinh tế quốc tế	2
55	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế	2
<b>Tổng cộng</b>		<b>41</b>

**Thực tập cuối khóa và viết khóa luận tốt nghiệp****10 TC**

STT		10
56	Thực tập cuối khóa	4
57	Khóa luận tốt nghiệp	6
Môn thay thế khóa luận		
58	E-Marketing	3
59	Quản trị kinh doanh quốc tế	3



## 10. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

### Học kỳ 1

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Anh văn căn bản 1	3	45	3	45		
2	Giáo dục quốc phòng – an ninh			5	75	3	90
3	Giáo dục thể chất 1					1	30
4	Lý thuyết xác suất và thống kê	3	45	3	45		
5	Triết học	2	30	2	30		
6	Tin học căn bản	3	45	3	45		
7	Toán cao cấp	3	45	3	45		
	<b>Tổng</b>	<b>14</b>	<b>210</b>	<b>10</b>	<b>150</b>	<b>4</b>	<b>120</b>

### Học kỳ 2

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Anh văn căn bản 2	3	45	3	45		
2	Kinh tế vi mô	3	45	3	45		
3	Giáo dục thể chất 2					1	30
4	Logic học đại cương	2	30	2	30		
5	Kinh tế chính trị	2	30	2	30		
6	CNXH khoa học	1	15	1	15		
7	Pháp luật đại cương	2	30	2	30		
8	Tâm lý ứng dụng trong kinh doanh	2	30	2	30		
9	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	2	30		
10	<b>Tổng</b>	<b>17</b>	<b>255</b>	<b>17</b>	<b>255</b>	<b>1</b>	<b>30</b>

### Học kỳ 3

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Kinh tế vĩ mô	3	45	3	45		
2	Anh văn căn bản 3	3	45	3	45		
3	Marketing căn bản	3	45	3	45		
4	Nguyên lý kế toán	3	45	3	45		
5	Quản trị học	3	45	3	45		
6	Giáo dục thể chất 3					1	30
7	Hành vi khách hàng	2	30	2	30		
	<b>Tổng</b>	<b>17</b>	<b>255</b>	<b>17</b>	<b>255</b>	<b>1</b>	<b>30</b>

### Học kỳ 4

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Hành vi tổ chức	2	30	2	30		
2	Kinh tế lượng	3	45	2	30	1	30
3	Luật kinh tế	2	30	2	30		
4	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	45	3	45		
5	Nghiên cứu Marketing	3	45	3	45		
6	Đường lối cách mạng của ĐCS VN	3	45	3	45		
7	Quản trị nhân lực	2	30	2	30		
	<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>270</b>	<b>17</b>	<b>255</b>	<b>1</b>	<b>30</b>

### Học kỳ 5

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Anh văn chuyên ngành 1 (QTKD)	3	45	3	45		
2	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	45	3	45		
3	Quản trị bán hàng	2	30	2	30		
4	Quản trị hành chính văn phòng	2	30	2	30		
5	Văn hóa DN & đạo đức kinh doanh	2	30	2	30		
6	Kế toán quản trị	3	45	3	45		
7	Kế toán tài chính	3	45	3	45		
	<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>270</b>	<b>18</b>	<b>270</b>		

### Học kỳ 6

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Anh văn chuyên ngành 2 (QTKD)	3	45	3	45		
2	Hệ thống thông tin quản lý	2	30	2	30		
3	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế	2	30	2	30		
4	Quản trị chất lượng	2	30	2	30		
5	Thiết lập & thẩm định dự án	3	45	3	45		
6	Quản trị sản xuất	3	45	3	45		
7	Thương mại điện tử	2	30	2	30		
	<b>Tổng</b>	<b>17</b>	<b>255</b>	<b>17</b>	<b>255</b>		

### Học kỳ 7

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Quản trị chiến lược	3	45				
2	Quản trị Marketing	3	45				
3	Quản trị tài chính	3	45				
4	Quản trị thương hiệu	3	45				

5	Thực hành nghề nghiệp (QTKD)	2	60			2	60
	<b>Tổng</b>	<b>14</b>	<b>240</b>			<b>2</b>	<b>60</b>

### Học kỳ 8

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Thị trường chứng khoán	2	30				
2	Khởi tạo doanh nghiệp	2	30				
3	Thực tập cuối khóa	4	120			4	120
4	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc môn thay thế khóa luận)	6	180			6	180
4.1	E-Marketing	3	45				
4.2	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	45				
	<b>Tổng</b>	<b>14</b>					

### 10. Ma trận đóng góp của các khối kiến thức vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra (0: không đóng góp; 1: đóng góp thấp; 2: đóng góp trung bình; 3: đóng góp cao)

Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo															
	Kiến thức chuyên môn						Kỹ năng								NL Tự chủ trách nhiệm	
	PO 1	PO 2	PO 3	PO 4	PO 5	PO 6	PO 7	PO 8	PO 9	PO 10	PO 11	PO 12	PO 13	PO 14	PO 15	PO 16
Chung	3	1	1	1	2	1	1	2	1	1	1	1	2	1	3	3
Chuyên nghiệp	2	2	3	2	2	2	2	3	2	3	3	2	2	2	1	1
Chuyên ngành	3	3	3	3	3	2	3	2	2	3	3	3	2	2	1	1
Khóa luận	2	3	3	3	2	2	3	2	2	2	3	3	3	2	3	3

### 11. Ma trận đóng góp của các khối kiến thức vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra (x: đóng góp cao)

Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo															
	Kiến thức chuyên môn						Kỹ năng chuyên môn								NL TCTN	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Triết học	x													x	x	x
Kinh tế chính trị	x														x	x
Chủ nghĩa xã hội khoa học	x		x										x	x	x	x
Đường lối CM ĐCSVN	x														x	x
Tư tưởng Hồ Chí Minh	x												x		x	x
Pháp luật đại cương	x												x		x	x
Tâm lý ứng dụng trong KD		x	x	x		x										
Tâm lý học đại cương		x	x	x												

Logic học						X					X	X				X
Giao tiếp kinh doanh						X	X									
Hành vi khách hàng				X	X											
Tiếng Anh căn bản 1									X						X	
Tiếng Anh căn bản 2									X						X	
Tiếng Anh căn bản 3									X						X	
Toán cao cấp	X	X														
Lý thuyết xs thống kê																
Tin học căn bản				X	X	X					X				X	
Kinh tế vi mô		X	X													
Kinh tế vĩ mô		X	X													
Quản trị học		X														
Marketing căn bản						X			X							
Nguyên lý kế toán			X	X												
Luật kinh tế			X						X						X	X
Lý thuyết tài chính – tiền tệ				X	X											
Kinh tế lượng																
Hệ thống thông tin quản lý				X	X	X										
Nghiên cứu Marketing						X	X	X								
Thiết lập và TD dự án							X	X	X	X						
Thực hành nghề nghiệp 1												X	X	X	X	
Hành vi tổ chức									X			X	X			
Quản trị tài chính				X	X											
Thương mại điện tử						X										
<b>Học phần bắt buộc</b>																
Quản trị nhân lực					X											
Quản trị chiến lược				X	X	X			X		X					
Quản trị chất lượng				X	X	X					X					
Quản trị sản xuất									X							
Quản trị thương hiệu									X	X	X					
Quản trị bán hàng									X	X	X					
Quản trị Marketing																
Phân tích hoạt động KD						X	X	X			X	X				
Kế toán quản trị				X	X				X							
Kế toán tài chính				X	X				X							
Anh văn chuyên ngành 1													X			
Anh văn chuyên ngành 2													X			
<b>Tự chọn</b>	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Quản trị HC văn phòng										X			X			
Thị trường chứng khoán			X											X		
Khởi tạo doanh nghiệp													X	X	X	X
Văn hóa DN & đạo đức KD													X		X	X
Tâm lý và nghệ thuật LĐ													X	X	X	
Thanh toán quốc tế				X											X	X
Thuế				X											X	X
Tin học nâng cao													X		X	
Quan hệ công chúng													X	X		X
Kinh tế quốc tế											X			X		
PP NC trong kinh tế												X	X	X		
Thực tập cuối khóa													X	X	X	

Khóa luận tốt nghiệp											x	x	x	x		
<b>Môn thay thế khóa luận</b>																
E-Marketing						x						x				x
Quản trị KD quốc tế												x				x

## 11. Mô tả tóm tắt các học phần

### **TRIẾT MÁC - LÊNIN 2(2,0)**

Môn học giới thiệu về đối tượng, phương pháp nghiên cứu về môn triết học MLN; chủ nghĩa duy vật biện chứng; phép biện chứng duy vật; chủ nghĩa duy vật lịch sử. Mục tiêu của học phần là xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung học phần Tư tưởng HCM và Đường lối cách mạng của ĐCSVN, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng. Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo. Môn học gồm chương mở đầu, chương 2 về phép biện chứng duy vật, chương 3 về chủ nghĩa duy vật lịch sử,

### **NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN 3(3, 0)**

Giới thiệu về học thuyết giá trị; học thuyết giá trị thặng dư; cn tư bản độc quyền và độc quyền nhà nước; Sứ mệnh của giai cấp công nhân và cnxh; những vấn đề chính trị xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa; chủ nghĩa, xã hội hiện thực và triển vọng. Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung học phần Tư tưởng HCM và Đường lối cách mạng của ĐCSVN, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng. Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo. Học thuyết giá trị. học thuyết giá trị thặng dư. cntb độc quyền và cntb độc quyền nhà nước. sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cm xhcn. những vđề ct – xh có tính qluật trong tiến trình cm xhcn. chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng. Học thuyết giá trị thặng dư. cntb độc quyền và cntb độc quyền nhà nước. sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cm xhcn. những vđề ct – xh có tính qluật trong tiến trình cm xhcn. chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

### **ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 2(2, 0)**

Chương trình được xây dựng dựa trên nội dung được ban hành theo quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/09/2008 của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo. Ngoài chương mở đầu, học phần gồm 8 chương. Nội dung tập trung làm rõ quá trình ra đời tất yếu của ĐCSVN (1930) và các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng trong các cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược qua các thời kỳ lịch sử. Trong đó, đặc biệt chú trọng làm rõ quá trình hình thành, phát triển và kết quả thực hiện đường lối cách mạng của Đảng trên tất cả các lĩnh vực: Kté, chính trị, vh- xh và quan hệ đối ngoại trước và trong thời kỳ đổi mới.

### **TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 3(3, 0)**

Là học phần nc về tư tưởng của một con người cụ thể - lãnh tụ HCM, một nhà yêu nước vĩ đại, một chiến sỹ cộng sản nhiệt thành, một cha già vô vàn kính yêu của dân tộc, một người ông, người bác rất đỗi thân thương của thế hệ trẻ. Do vậy, việc học tập, nghiên cứu tư tưởng HCM phải được thực hiện một cách trình tự, bảo đảm tính logic, khoa học; Nhận thức lý luận các quan điểm tư tưởng HCM nhưng cần phải biết vận dụng các quan điểm ấy vào hoạt

động thực tiễn đời sống xã hội chung của mỗi lĩnh vực và mỗi người. Với cách đặt vấn đề trên, nội dung học phần tư tưởng HCM sẽ được trình bày theo trình tự sau:

Nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển, nội hệ thống tư tưởng HCM (bao gồm: vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; cnxh và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; Đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về Đảng CS VN, về xây dựng nhà nước của dân do dân – vì dân; về đạo đức, nhân văn, văn hoá; về quan điểm tài chính). Ở cuối mỗi nội dung tư tưởng luôn có phần liên hệ - phần này được giảng viên kết hợp giữa giảng với hướng dẫn sinh viên tự liên hệ.

### **PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG 2(2, 0)**

Học phần PLĐC được xây dựng gồm 6 chương với hai khối kiến thức pháp lý đại cương là: (1) khối kiến thức lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, (2) *khối kiến thức đại cương về các lĩnh vực pháp luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế*: Tiếp thu các nội dung này, sv có được những kiến thức vừa khái quát, vừa cụ thể để hiểu sâu sắc hơn cơ chế điều chỉnh bằng pháp luật đối với các quan hệ xã hội.

Nhằm trang bị kiến thức chung nhất về NN và pháp luật như nguồn gốc ra đời của NN và PL, bản chất, vai trò, các kiểu và hình thức NN và p luật; đồng thời gthiệu tổng quan về hệ thống chính trị, tìm hiểu những vấn đề cơ bản về các hệ thống cơ quan trong bộ máy NN ta hiện nay, và tìm hiểu những nội dung cơ bản của những ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật nước ta, về vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, v.v. .

### **QUẢN TRỊ HỌC 3(3, 0)**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị học được vận dụng trong kinh doanh như: bản chất, đối tượng, mục đích nghiên cứu, chức năng, nhiệm vụ của quản trị học. Học phần còn đi sâu nghiên cứu các chức năng của quản trị như: Quản trị sản xuất và tác nghiệp, môi trường kinh doanh, quyết định trong kinh doanh, hoạch định chiến lược, quản trị nguồn nhân lực và một số vấn đề trong quản trị hiện đại như: quản trị sự thay đổi, quản trị xung đột, quản trị rủi ro.

### **MARKETING CĂN BẢN 2(2, 0)**

Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản về những nguyên lý marketing và việc vận dụng vào thực tiễn kinh doanh như: Định nghĩa về marketing hiện đại; tìm hiểu đại cương hoạt động marketing của doanh nghiệp như môi trường marketing và thị trường của doanh nghiệp; nhận dạng nhu cầu và hành vi khách hàng; phương pháp luận nghiên cứu marketing và nguyên lý ứng xử của doanh nghiệp với thị trường của nó bao gồm chiến lược và chính sách marketing căn bản, tổ chức quản trị marketing của doanh nghiệp. Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô.

### **TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG 2(2,0)**

Tâm lý học đại cương gồm các khái niệm cơ bản về bản chất hiện tượng tâm lý người; quan điểm duy vật biện chứng khi xem xét các hiện tượng tâm lý con người; vai trò của hoạt động và ngôn ngữ đối với sự phát triển tâm lý – ý thức; Cung cấp những hiểu biết cơ bản về các hiện tượng tâm lý người; nhận thức, thái độ, hành vi hoạt động; hiểu được các thành phần cơ bản trong cấu trúc nhân cách của con người. Điều kiện tiên quyết: không

Giúp sinh viên có kiến thức tổng quát về tâm lý học để có thể vận dụng trong ứng xử, trong quá trình tiếp xúc với các đối tác. Kiến thức tâm lý học đại cương có thể giúp sinh viên thích ứng với môi trường làm việc đa văn hóa.

## **LOGIC HỌC 2(2,0)**

Logic học giúp ta nắm vững các quy luật lôgic của tư duy, các hình thức, các phương pháp của tư duy đúng, chính xác, cho ta phương pháp nhận thức khoa học và bác bỏ những luận điệu xảo trá, nguy hiểm trong đời sống. Điều kiện tiên quyết: Không

Người học nắm bắt được những quy luật và hình thức của tư duy chính xác, góp phần nâng cao trình độ tư duy, tạo thói quen suy nghĩ khoa học.

## **TIẾNG ANH CĂN BẢN 1 2(2,1)**

Anh văn căn bản 1 giúp sinh viên ôn tập một số điểm ngữ pháp và luyện tập các kỹ năng Tiếng Anh ở trình độ sơ cấp. Học phần này là nền tảng để sinh viên học tiếp học phần Anh văn căn bản 2 và 3 và các học phần tiếng Anh chuyên ngành tiếp theo.

Điều kiện tiên quyết: Anh văn căn bản ở bậc phổ thông. Giúp người học phát âm đúng theo hệ thống phiên âm quốc tế. Sử dụng được các câu theo chủ đề khác nhau: Chào hỏi, giao dịch...

## **TIẾNG ANH CĂN BẢN 2 3(2,1)**

Sinh viên giao tiếp tiếng Anh ở trình độ sơ cấp thấp: Biết nghe nói những chủ đề thiết thân hàng ngày như: hỏi đường, hỏi giá tiền, thời gian. Biết đọc viết những văn bản ngắn và đơn giản như: nội dung bưu thiếp, e-mail thăm hỏi. Bắt đầu có ý thức so sánh văn hoá Việt – Anh, so sánh 2 ngôn ngữ và nhận ra khác biệt, từ đó hiểu rõ hơn về văn hoá và tiếng mẹ đẻ của mình. Sinh viên được hướng dẫn các điểm văn phạm thường gặp, cách sắp xếp các ý tưởng cả văn nói lẫn viết cũng như hiểu rõ hơn những câu nói trong giao tiếp và bài đọc hiểu nhờ vào thực hành theo cặp và nhóm trong lớp. Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh căn bản 1

## **TIẾNG ANH CĂN BẢN 3 3(2,1)**

Sinh viên được hướng dẫn các điểm văn phạm thường gặp, cách sắp xếp các ý tưởng cả văn nói lẫn viết cũng như hiểu rõ hơn những câu nói trong giao tiếp và bài đọc hiểu nhờ vào thực hành theo cặp và nhóm trong lớp. Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh căn bản 1, 2.

Sv có khả năng giao tiếp hàng ngày với mức độ nhuần nhuyễn cao của trình độ sơ cấp. Đọc viết được những đoạn văn ngắn về các chủ đề đơn giản trong giáo trình qui định.

Sinh viên được hướng dẫn các điểm văn phạm thường gặp, cách sắp xếp các ý tưởng cả văn nói lẫn viết cũng như hiểu rõ hơn những câu nói trong giao tiếp và bài đọc hiểu nhờ vào thực hành theo cặp và nhóm trong lớp với trình độ cao hơn.

## **TOÁN CAO CẤP 1 3(2,1)**

Toán cao cấp 1 là môn học thuộc phần kiến thức cơ bản, nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức về hàm số (một và nhiều biến số) và các phép tính về hàm số như: giới hạn; sự liên tục; phép tính đạo hàm, vi phân, tích phân của hàm số. Điều kiện tiên quyết : Không

Định nghĩa hàm số, cách cho một hàm số, các loại hàm số. Định nghĩa giới hạn và sự liên tục của hàm số; các phép tính về giới hạn và sự liên tục của hàm số. Định nghĩa đạo hàm và vi phân của hàm số; các phép tính về đạo hàm và vi phân của hàm số. Định nghĩa nguyên hàm và tích phân bất định của hàm số; các phương pháp tính tích phân bất định. Định nghĩa tích phân xác định của hàm số; các phương pháp tính tích phân xác định; ứng dụng của tích phân xác định.

## **TOÁN CAO CẤP 2**

**3 (2, 1)**

Toán cao cấp 2 là phần toán thuộc kiến thức cơ bản giúp sinh viên nắm vững kiến thức về chuỗi số, chuỗi hàm (chuỗi lũy thừa), véc tơ, ma trận, định thức và giải hệ phương trình tuyến tính. Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp 1

Sinh viên phải nắm vững các nội dung liên quan đến chuỗi số, chuỗi hàm, véc tơ, không gian vectơ, định thức-ma trận và giải các hệ phương trình tuyến tính làm cơ sở cho việc học tập các môn toán tiếp theo đặc biệt là toán kinh tế.

## **TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG 3(2, 1)**

Giới thiệu kỹ thuật cơ bản về tin học được ứng dụng trong công việc của từng cá nhân cũng như của các tổ chức kt-xh. Học phần đề cập đến năm khối kiến thức là: (1) Một số vấn đề cơ bản về tin học như: Thông tin và tin học; Hệ đếm; Máy tính điện tử; Biểu diễn thông tin trong máy tính điện tử; Phần mềm có mã độc hại (2) Hệ điều hành: Giới thiệu chung về hệ điều hành; Hệ điều hành Windows (3) Soạn thảo văn bản trên máy vi tính: Giới thiệu chung về soạn thảo văn bản; Giới thiệu về một hệ soạn thảo văn bản cụ thể là Microsoft Word (4) Bảng tính điện tử: Giới thiệu chung về bảng tính điện tử; Giới thiệu về một chương trình bảng tính cụ thể là Microsoft Excel. (5) Mạng máy tính.

## **LÝ THUYẾT XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ TOÁN 3(2,1)**

Môn học gồm hai phần rõ rệt: phần lý thuyết xs và phần thống kê toán. Phần lý thuyết xs nhằm trang bị những kỹ thuật cơ bản của lý thuyết xs như: Ngẫu nhiên và xác suất; đại lượng ngẫu nhiên; một số quy luật phân phối xs của đại lượng nn và luật số lớn. Phần tk: sử dụng những kiến thức cơ bản của lý thuyết xs để giải quyết các vấn đề của tk như: lthuyết mẫu; lthuyết kiểm định; lthuyết tương quan và hồi qui. Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp 2

Đây là môn học vừa là cơ bản vừa là cơ sở cung cấp các kiến thức cơ sở để sinh viên học và hiểu được nội dung các môn thống kê kinh tế và phân tích số liệu và dự báo để góp phần học tốt môn kinh tế lượng.

## **KINH TẾ VI MÔ 3(2,1)**

Trang bị cho học sinh kiến thức cơ bản về hoạt động của thị trường, luật cung cầu, làm nền tảng cho các môn học về chuyên ngành kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh và kinh tế đối ngoại. Điều kiện tiên quyết: Không

Kế vi mô là môn học kế học căn bản cung cấp cho học sinh kiến thức đại cương về lý luận và phương pháp kinh tế trong lựa chọn để giải quyết ba vấn đề kinh tế cơ bản của một nền kinh tế: sản xuất cái gì? sản xuất như thế nào? và sản xuất cho ai? Môn học khởi đầu với sự nghiên cứu về những cơ sở của cung cầu: vấn đề tiêu dùng cá nhân, đặc tính cầu cá nhân và từ đó suy ra cầu của thị trường. Nội dung tiếp theo là nghiên cứu về đặc điểm của sản xuất, chi phí, lợi nhuận. Các lựa chọn tối ưu hoá lợi nhuận của doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo và thị trường độc quyền. Phần cuối của môn học giới thiệu những vấn đề thất bại của thị trường, thông tin và vai trò của chính phủ.

## **KINH TẾ VĨ MÔ 3(2,1)**

Nghiên cứu nền kt như một tổng thể. Những vấn đề kt vĩ mô đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống của các hộ gia đình, các dn, chính phủ các cấp cũng như các mối quan hệ quốc tế. Học phần này sẽ mô tả các biến kt vĩ mô như GDP, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá, tiêu dùng, đầu tư, tiết kiệm. Thêm nữa, học phần này giới thiệu các mô hình kinh tế vĩ mô đơn giản để giải thích mối quan hệ giữa các chỉ tiêu vĩ mô nói trên. Nội dung bao gồm cả



tăng trưởng kinh tế dài hạn và dao động sản lượng trong ngắn hạn. Chính sách kinh tế vĩ mô cũng được trình bày ở mức độ giới thiệu trong học phần này. Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô

Trang bị những kiến thức cơ bản về kt vĩ mô như đo lường sản lượng qgia, vận dụng chính sách tài chính, chính sách tiền tệ vào mô hình nền kinh tế đóng và nền kinh tế mở.

### **NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ KINH TẾ 3(2,1)**

Cung cấp một cách có hệ thống các ppháp điều tra thkê bao gồm việc thu thập thtin ban đầu về các hiện tượng kt-xh và việc xử lý các th tin đã thu thập. Trang bị các pp phân tích kt-xh làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho việc ra quyết định ở tầm vi mô và vĩ mô. Điều kiện tiên quyết: Kinh tế lượng

### **NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN 3(2,1)**

Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản về kế toán để có thể thực hiện được các công việc của kế toán trong một doanh nghiệp từ khâu lập chứng từ cho đến lập báo cáo tài chính. Cung cấp kiến thức để tiếp tục nghiên cứu kế toán tài chính, kế toán quản trị và các môn học khác.

### **KINH TẾ LƯỢNG 3(2,1)**

Định hướng của môn học này là ứng dụng không đi theo hướng sâu về lý thuyết. Môn học giới thiệu một số kỹ thuật cơ bản trong việc sử dụng kinh tế lượng trong nc và ptích ktế và kdoanh. Kỹ thuật hồi qui theo ppháp ước lượng bình phương bé nhất (OLS). Mô hình hồi qui hai biến và đa biến. các trường hợp vi phạm các giả thiết cơ bản của mô hình. Cách phát hiện và biện pháp khắc phục. Cuối cùng, một số chủ đề nâng cao trong kinh tế lượng như biến giả, và dạng hàm toán học (functional form), sẽ được trình bày nhằm giới thiệu một số kỹ thuật thông dụng hữu ích trong việc xây dựng các mô hình ktế lượng ứng dụng.

Trang bị những kiến thức về phương pháp thống kê để có thể ứng dụng trong lĩnh vực kt- xh bằng cách rút ra những kết luận dựa trên số liệu và thông tin được thu thập trong điều kiện không chắc chắn. Đồng thời cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong việc sử dụng kinh tế lượng trong nghiên cứu và phân tích kinh tế và kinh doanh.

### **TOÁN KINH TẾ 2(2,0)**

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, thống kê kinh tế và toán cao cấp.

Cung cấp kiến thức cơ bản về toán học và vận dụng trong các mô hình toán kinh tế để tối ưu hóa hoạt động sản xuất kinh doanh qua các mô hình toán kinh tế như: bài toán lập kế hoạch sản xuất, bài toán đầu tư, bài toán vận tải, phương pháp sơ đồ mạng để xây dựng, tổ chức, quản lý và kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh một cách tối ưu.

Nội dung của môn học là giới thiệu các mô hình toán kinh tế, phương pháp giải và vận dụng các mô hình toán kinh tế vào trong thực tiễn sản xuất kinh doanh.

### **HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ 2(2, 0)**

Cung cấp kiến thức cơ bản về tổ chức thông tin và hệ thống thông tin; Cơ sở công nghệ tt của hệ thống thông tin; Phân tích, thiết kế cài đặt hệ thống thông tin; Hệ thống thông tin phục vụ quản lý doanh nghiệp. Trang bị kiến thức về hệ thống thông tin và quản trị hệ thống thông tin.

## **GIAO TIẾP KINH DOANH**

**2(2,0)**

Cung cấp một số kỹ năng giao tiếp cơ bản có thể ứng dụng vào công việc trong môi trường kinh doanh. PP và kỹ năng giao tiếp cơ bản phục vụ cho công việc sau khi ra trường. Môn học mang tính thực hành cao, các ppháp và kỹ năng giao tiếp được hướng dẫn và thực hành ngay.

## **VĂN HÓA DOANH NGHIỆP VÀ ĐẠO ĐỨC KINH DOANH 2(2,0)**

Trang bị kiến thức về đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp: kiến thức về văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh (các chuẩn mực đạo đức kinh doanh, xây dựng đạo đức kinh doanh). Văn hóa doanh nghiệp (Biểu hiện và các dạng văn hoá doanh nghiệp, nhân tố tạo lập văn hoá doanh nghiệp, xây dựng văn hoá doanh nghiệp và nắm hoá trong các hoạt động kinh doanh).

## **THIẾT LẬP VÀ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ 3(2,1)**

Các học phần tiên quyết Quản trị học đại cương . Marketing cơ bản . Quản trị tài chính

Môn học tập trung vào dự án đầu tư sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hướng dẫn sinh viên sử dụng các kiến thức quản trị chuyên ngành khác (tài chính, marketing, sản xuất, nhân sự...) để: (1) triển khai một ý tưởng kinh doanh – không cần lớn lao hay phức tạp – trở thành một hoạch định khả thi, (2) thẩm định tính khả thi của dự án qua báo cáo nghiên cứu trên quan điểm toàn diện. Như vậy, các dự án mang tính chất công ích, dự án thuộc phạm vi xã hội hay có tác động kinh tế vùng, khu vực sẽ ít được đề cập. Ngoài ra, phân tích & thẩm định kinh tế-xã hội chỉ được giới thiệu và không đi sâu.

## **PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TRONG KINH TẾ 2(1,1)**

Các môn tiên quyết Thống kê ứng dụng, Marketing cơ bản, Kế toán đại cương, Kế toán tài chính. Mục tiêu học tập: Xây dựng nhận thức, hiểu biết về vai trò, ý nghĩa, trình tự nghiên cứu trong kinh tế; Biết cách xác định vấn đề, thiết kế nghiên cứu và thiết lập được đề cương nghiên cứu; Sử dụng được các công cụ phân tích thống kê cơ bản (mô tả, quan hệ, khác biệt) cho phân tích dữ liệu.; Biết cách thức, quy tắc trình bày một đề cương nghiên cứu và báo cáo nghiên cứu. Môn học cụ thể hoá phương pháp nghiên cứu khoa học vào lĩnh vực kinh doanh, mà cụ thể là các lĩnh vực: kế toán, tài chính và quản trị kinh doanh.

Các kiến thức thiết yếu, cơ bản nhất về phương pháp luận sẽ làm cơ sở cho việc chuyển tải các qui trình, kỹ năng nghiên cứu mang tính ứng dụng. Ví dụ minh họa từ các nghiên cứu khác, thảo luận trên lớp là công cụ giảng dạy-học tập chủ yếu. Sinh viên phải thực hiện nhiều bài tập nhỏ và hoàn thành một đề cương nghiên cứu khi kết thúc môn học.

## **THANH TOÁN QUỐC TẾ 2(2,0)**

Để học tập và tiếp thu tốt môn học này đòi hỏi sinh viên phải học qua một số môn học khác có liên quan như: Kinh tế quốc tế, tiền tệ ngân hàng, Tiếng Anh thương mại

Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ thuật nghiệp vụ thanh toán quốc tế cũng như nghiệp vụ tín dụng của các ngân hàng thương mại dành cho các nhà kinh doanh xuất nhập khẩu trong thanh toán quốc tế nhằm hoàn chỉnh lý thuyết và kỹ năng thực hành trọn vẹn một giao dịch xuất nhập khẩu cho sinh viên.

Nắm được cơ sở pháp lý làm nền tảng cho hoạt động thanh toán quốc tế và những điều kiện thanh toán quốc tế trong hợp đồng ngoại thương.

Nắm được nội dung các phương tiện thanh toán quốc tế, các phương thức thanh toán, các chứng từ thương mại chủ yếu dùng trong thanh toán quốc tế và vận dụng chúng trong thực tế.

Hoàn tất môn học Thanh toán quốc tế sinh viên có thể thực hiện nghiệp vụ mua bán ngoại tệ trên thị trường hối đoái quốc tế, có thể đảm nhiệm khâu thanh toán quốc tế tại các doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu và các phòng thanh toán quốc tế tại các ngân hàng thương mại.

### **QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH 3(2,1)**

Điều kiện tiên quyết Kinh tế học và Tài chính tiền tệ.

Trình bày những vấn đề có liên quan đến tổng quan về quản trị tài chính và những quyết định liên quan đến việc đầu tư dài hạn trong doanh nghiệp.

Đối với phần tổng quan sinh viên sẽ được nghiên cứu những khái niệm liên quan đến một hoạt động trong công tác quản lý doanh nghiệp – quản trị tài chính; những nhân tố tác động đến các quyết định quản trị tài chính: môi trường vĩ mô, vi mô, biến động của tiền tệ theo thời gian, những ảnh hưởng của lợi nhuận và rủi ro trong việc ra quyết định.

Đối với phần quyết định đầu tư dài hạn trong doanh nghiệp. Đây là một trong ba quyết định quan trọng nhất của công tác quản trị tài chính và là quyết định tạo ra giá trị cho doanh nghiệp. Ở phần này chúng ta sẽ nghiên cứu những cơ sở của việc ra quyết định đầu tư dài hạn, cách thiết lập dòng ngân lưu, tính toán suất chiết khấu và những vấn đề thường gặp phải khi xây dựng dòng tiền trong thực tiễn.

### **QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC 4 (3, 1)**

Nắm được các khái niệm liên quan đến chiến lược và quản trị chiến lược. Phân tích môi trường bên trong, bên ngoài doanh nghiệp, các mô hình chiến lược ứng dụng trên thực tế (case studies). Xác định quan điểm chiến lược, mục tiêu, sứ mệnh. Lập một *chiến lược cụ thể*, lựa chọn phương án chiến lược. Tổ chức thực hiện chiến lược đã lập. Quản lý, kiểm soát và điều chỉnh chiến lược cụ thể. Làm quen với một/một số chiến lược cụ thể của doanh nghiệp trên thực tế.

Nắm vững các khái niệm chiến lược và quản lý chiến lược; Lập được một chiến lược cụ thể trong hoạt động kinh doanh; Tổ chức thực hiện chiến lược đã lập; Quản lý, kiểm soát và điều chỉnh chiến lược cụ thể.

### **QUẢN TRỊ NHÂN LỰC 2(2,0)**

Kiến thức liên quan đến hoạch định nhân sự; thiết lập bảng mô tả công việc; xây dựng qui trình tuyển dụng; xác định chương trình đào tạo và phát triển; biết cách đánh giá hiệu quả làm việc của nhân viên; tìm hiểu và thiết lập hệ thống lương bổng - đãi ngộ cho doanh nghiệp; lựa chọn hình thức kỷ luật lao động phù hợp, tạo môi trường làm việc an toàn cho người lao động và thỏa mãn nhu cầu nhân viên.

Mục tiêu học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về cách thức thu hút nhân sự, đào tạo-phát triển đội ngũ nhân sự cũng như duy trì nhân sự trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ sao cho hiệu quả.

### **QUẢN TRỊ BÁN HÀNG 3 (2, 1)**

Tổng quan về bán hàng và quản trị bán hàng; Xây dựng kế hoạch bán hàng; Kỹ thuật bán hàng và chăm sóc khách hàng; Thiết kế và tổ chức lực lượng bán hàng trong doanh nghiệp; Quản trị đội ngũ bán hàng và phân tích đánh giá kết quả bán hàng.

Mục tiêu học phần nghiên cứu hoạt động bán hàng và cách thức tổ chức, quản lý hoạt động bán hàng của doanh nghiệp.

### **QUẢN TRỊ SẢN XUẤT 2(2,0)**

Điều kiện tiên quyết: Xác suất thống kê Quy hoạch tuyến tính Kinh tế lượng Marketing căn bản.

Mục tiêu của học phần: Xây dựng nhận thức, hiểu biết về vai trò quản trị sản xuất-tác nghiệp trong tổ chức. Cung cấp kiến thức cơ bản về thiết kế và vận hành hệ thống sản xuất. Luyện kỹ năng phân tích định tính và định lượng cần cho quản trị sản xuất. Cung cấp các ý niệm, phương pháp cơ bản về mô hình hoá các hoạt động, giúp người học có thể vận dụng để giải quyết các bài toán cụ thể. Trong phạm vi học phần quản trị sản xuất sẽ chủ yếu tập trung vào 3 phần gồm: (1) Giới thiệu tổng quan về quản trị sản xuất; (2) Thiết kế hệ thống sản xuất & dịch vụ và (3) Vận hành hệ thống sản xuất.

Để chuyển tải nội dung trên, các kiến thức cơ bản, thiết thực và gần gũi sẽ được trình bày với các minh họa dựa trên các tình huống thực tế có liên quan để chuyển tải nội dung đến sinh viên. Ngoài ra, các bài tập thực hành và bài tập nhóm sẽ giúp sinh viên tiếp cận kiến thức môn học được thuận lợi.

### **QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG 2(2,0)**

Điều kiện tiên quyết Quản trị học nhập môn Marketing căn bản Thống kê ứng dụng

Mục tiêu của học phần: quản trị chất lượng, chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ, quản trị chất lượng sản phẩm, chi phí chất lượng, các công cụ quản trị chất lượng và một số hệ thống quản trị chất lượng đang được áp dụng phổ biến hiện nay

### **QUẢN TRỊ MARKETING 2(2,0)**

Điều kiện tiên quyết Marketing căn bản, Nghiên cứu Marketing, Quản trị Sản xuất, Quản trị Nhân sự.

Mục tiêu: Trang bị tổng thể kiến thức luận về lĩnh vực marketing, quản trị marketing. Môn học còn giúp sinh viên có thể hình dung được hoạt động marketing và quy trình triển khai công tác quản trị marketing. Chương trình cũng đi sâu vào việc giải quyết các yêu cầu đối với việc hoạch định chiến lược marketing, kế hoạch marketing, chương trình marketing. Ngoài ra, môn học cũng trang bị những kiến thức tổng thể về thương hiệu và kiến tạo thương hiệu cho sinh viên ngành kinh tế. Nội dung chương trình tập trung nhiều vào việc vận dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế ở lĩnh vực marketing.

### **QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU 2(2,0)**

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Marketing cơ bản.

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về thương hiệu; cách thức xây dựng thương hiệu; thiết kế, đăng ký thương hiệu; quản lý thương hiệu trong quá trình kinh doanh. Một số vấn đề chung về thương hiệu. Xây dựng thương hiệu. Xác định tên thương hiệu. Thiết kế biểu

trung thương hiệu. Đăng ký bảo hộ thương hiệu. Quản lý thương hiệu trong quá trình kinh doanh.

### **KINH TẾ QUỐC TẾ 2(2,0)**

Điều kiện tiên quyết Sinh viên phải hoàn thành môn kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô

Môn học này sẽ trình bày các lý thuyết về thương mại và những mô hình kinh tế, nghiên cứu mối quan hệ kinh tế giữa các nước, các nền kinh tế và các khu vực kinh tế trên thế giới. Những vấn đề về phân phối và sử dụng tài nguyên giữa các nền kinh tế thông qua con đường trao đổi hàng hóa, dịch vụ, các yếu tố sản xuất, chuyển đổi tiền tệ và thanh toán giữa các quốc gia.

### **GIAO TIẾP KINH DOANH 2(2,0)**

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương. Mục tiêu của học phần Cung cấp cho sinh viên một số kỹ năng giao tiếp cơ bản có thể ứng dụng vào công việc trong môi trường kinh doanh.

Môn học Kỹ Năng Truyền Thông cung cấp phương pháp và kỹ năng giao tiếp cơ bản phục vụ cho công việc sau khi ra trường. Môn học mang tính thực hành cao, các phương pháp và kỹ năng giao tiếp được hướng dẫn và thực hành ngay.

### **THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH 2(2,0)**

Điều kiện tiên quyết Kinh tế vĩ mô, Tài chính tiền tệ, Tiền tệ ngân hàng. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thị trường tài chính, các công cụ lưu thông trên thị trường tài chính. Tìm hiểu các định chế tài chính. Cơ chế hoạt động của các từng loại thị trường... để sinh viên có thể hiểu được chức năng bản chất của thị trường tài chính, làm nền tảng giúp cho sinh viên có thể nghiên cứu sâu hơn các loại thị trường tài chính.

Môn học cung cấp kiến thức tổng quan về cơ chế hoạt động, các bộ phận cấu thành của thị trường tài chính. Đặc biệt chú trọng đến thị trường chứng khoán là nơi cung cấp vốn dài hạn cho nền kinh tế với những tính chất ưu việt và phù hợp với nền kinh tế thị trường.

### **TÂM LÝ VÀ NGHỆ THUẬT LÃNH ĐẠO 2(2,0)**

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học, Quản trị nguồn nhân lực.

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản có liên quan đến hoạt động lãnh đạo. Trên cơ sở đó đi vào phân tích: Bản chất của lãnh đạo, phẩm chất và kỹ năng của nhà lãnh đạo, việc sử dụng quyền lực của nhà lãnh đạo sao cho có hiệu quả nhất, sự phù hợp giữa phong cách của nhà lãnh đạo với từng hoàn cảnh cụ thể, phát huy năng lực tập thể, khảo sát, đánh giá hiệu quả lãnh đạo theo phương pháp khoa học, nhằm đánh giá năng lực lãnh đạo, phân biệt được mặt mạnh, yếu của người lãnh đạo và phân rõ trách nhiệm lãnh đạo,...

### **THUẾ 2(2,0)**

Điều kiện tiên quyết : Kinh tế học vi mô; Lý thuyết tài chính và tiền tệ; Kế toán đại cương

Môn học này gồm 2 phần chính: Phần một trình bày những vấn đề chung về nguồn gốc xuất hiện, bản chất, vai trò của thuế, phạm vi ảnh hưởng của thuế trong môi trường cạnh tranh và môi trường độc quyền. Phần hai trình bày những qui định hiện hành về các loại thuế ở Việt Nam bao gồm: thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế tài nguyên, thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp, lệ phí môn bài, lệ phí trước bạ và các loại phí và lệ phí khác.

## **QUAN HỆ CÔNG CHÚNG. 2(2,0)**

Điều kiện tiên quyết: giao tiếp kinh doanh

Môn học giới thiệu những nguyên tắc cơ bản của Quan hệ công chúng (Public Relations). Mục đích là giúp cho học viên có những hiểu biết nền tảng về PR mà từ đó có thể áp dụng vào thực tiễn. Môn học này cung cấp kiến thức về PR: Hiểu rõ PR được đặt ở vị trí nào trong mỗi qhệ liên quan với các lĩnh vực nc và nghề nghiệp khác. Hiểu rõ những ngắtt và lí thuyết nền tảng của PR và tìm hiểu xem chúng đã được ptriển như thế nào. Hiểu rõ tầm quan trọng của truyền thông trong hoạt động PR, những kỹ năng cơ bản cần thiết khi giao tiếp với giới truyền thông và các công cụ của PR. Hiểu rõ hơn về hoạt động PR trong một số tổ chức.

## **QUẢN TRỊ KINH DOANH QUỐC TẾ 3(3,0)**

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế Quốc tế

Môn học gồm 5 chương, được chia thành ba phần nhằm đến 3 mục tiêu: Xây dựng kiến thức nền tảng về ngoại thương. Nắm được kỹ thuật nghiệp vụ trong kinh doanh xuất nhập khẩu. Trang bị kiến thức phục vụ công tác quản trị kinh doanh quốc tế.

Hoạt động ngoại thương của một quốc gia bao gồm hoạt động mua và bán các hàng hóa và dịch vụ của nước đó với nước ngoài – gọi là xuất nhập khẩu. Môn học Quản trị kinh doanh quốc tế nghiên cứu sự ra đời, vai trò của hoạt động ngoại thương, các nghiệp vụ trong ngoại thương và hoạt động quản trị ngoại thương của của doanh nghiệp.

## **NGHIÊN CỨU MARKETING 3(3,0)**

Môn học giới thiệu tổng quan về Marketing. Xác định vấn đề nghiên cứu và thiết kế kế hoạch nghiên cứu. Chọn mẫu và tiến hành thu thập số liệu. Phân tích thống kê và báo cáo kết quả.

Môn học này nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu kinh tế trong nền kinh tế thị trường, đồng thời cũng giúp sinh viên cách thức tiến hành thu thập, xử lý và phân tích thông tin thị trường một cách khoa học phục vụ cho quá trình ra quyết định kinh doanh.

## **PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2(2,0)**

Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính, Kế toán chi phí, Kế toán quản trị.

Cung cấp những kiến thức cơ bản về việc đánh giá quá trình và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó nhận thức được bản chất của hđ kinh doanh trong dn, có kỹ năng đưa ra các biện pháp phục vụ cho công tác quản lý và ngăn ngừa các rủi ro trong kinh doanh. Học phần còn giúp cho sv có kỹ năng đọc và phân tích báo cáo tài chính, nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho việc ra các quyết định kinh doanh.

## **TÂM LÝ HỌC ỨNG DỤNG TRONG KINH DOANH 2(2,0)**

Môn học Tâm lý học ứng dụng trong kinh doanh là môn Khoa học kinh tế-xã hội, môn học nghiên cứu những kiến thức về tâm lý người lao động, tâm lý người mua, kỹ năng giao tiếp trong điều kiện thực tế kinh doanh hiện nay. Mục tiêu là trình bày được những kiến thức cơ bản của tâm lý tâm lý kinh doanh. Vận dụng kiến thức về tâm lý của người lao động, tâm lý người mua vào thực tiễn. Nhận biết, nắm bắt được đặc điểm tâm lý của người lao động, người mua nhằm phục vụ cho quản lý con người. Ứng dụng các kỹ năng giao tiếp vào trong thực tế kinh doanh

## **HÀNH VI KHÁCH HÀNG**

**2(2,0)**

Hành vi người tiêu dùng là một lĩnh vực nghiên cứu có nguồn gốc từ các khoa học như tâm lý học, xã hội học, tâm lý xã hội học, nhân văn học và kinh tế học. Hành vi NTD chú trọng đến việc nghiên cứu tâm lý cá nhân, nghiên cứu những niềm tin cốt yếu, những giá trị, những phong tục, tập quán ảnh hưởng đến hành vi con người và những ảnh hưởng lẫn nhau giữa các cá nhân trong quá trình mua sắm tiêu dùng. Đặc biệt, việc nghiên cứu HVNTD là một phần quan trọng trong nghiên cứu kinh tế học với mục đích tìm hiểu xem bằng cách nào (how) và tại sao (why) những NTD mua (hoặc không mua) các sản phẩm và dịch vụ, và quá trình mua sắm của NTD diễn ra như thế nào.

## **LỊCH SỬ CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ**

**2(2,0)**

Hiểu được nội dung cơ bản của môn Lịch sử các học thuyết kinh tế - môn cơ sở ngành kinh tế. Cụ thể là: Đối tượng, phương pháp, mục đích ý nghĩa của môn học. Tư tưởng kinh tế thời Cổ đại và Trung đại. Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Trọng thương. Học thuyết kinh tế của trường phái Tự sản cổ điển Trong đó có học thuyết của William Petty, Trọng Nông, Adam Smith, David Ricardo, Jean Baptiste Say, Thmas Robert Malthus. Học thuyết kinh tế Tiểu tư sản. Học thuyết kinh tế của Cnxx không tưởng Học thuyết kinh tế Mác xít, Karl Marx, F.Engels, V.I.Lenin. Học thuyết kinh tế của trường phái Tân cổ điển. Học thuyết kinh tế của trường phái Keynes Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Tự do mới. Học thuyết kinh tế của trường phái chính hiện đại Các lý thuyết về tăng trưởng và phát triển kinh tế

Qua việc nghiên cứu, phân tích các lý thuyết kinh tế hình thành cơ sở lý luận để giải quyết các vấn đề cụ thể trong quá trình vận dụng vào thực tiễn quá trình sản xuất kinh doanh: Hình thành và phát triển kỹ năng phân tích, nhận xét các biến động về kinh tế; Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi; Trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và vận dụng các kiến thức kinh tế trong xây dựng và phát triển kinh tế.

## **QUẢN TRỊ SỰ THAY ĐỔI 3(2,1)**

Môn học này là học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp. Môn học trang bị cho người học những kiến thức cần thiết về sự thay đổi như: hình thức thay đổi, loại thay đổi những áp lực khiến cho tổ chức phải thay đổi... Người học cũng được cung cấp các kiến thức về những mô hình quản trị sự thay đổi, quy trình quản trị sự thay đổi, những phản ứng của các cá nhân trong tổ chức trước những thay đổi. Từ đó, người học sẽ có thể vận dụng các kiến thức về quản trị sự thay đổi để lập được kế hoạch cho sự thay đổi, theo dõi, kiểm soát quá trình thay đổi, đưa ra những biện pháp xử lý những phản ứng của con người trước thay đổi trong tổ chức để đảm bảo hiệu quả cho tổ chức trong quá trình thay đổi. Môn học cũng giúp cho người học nhận thức được tầm quan trọng của việc quản trị sự thay đổi từ đó có thái độ tích cực hơn với những thay đổi trong cuộc sống

## **QUẢN TRỊ LOGISTICS 3(2,1)**

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị hậu cần và chuỗi cung ứng, bao gồm các khái niệm, định nghĩa, giá trị, mục đích phương pháp, và các kỹ thuật quản trị hậu cần cũng như xây dựng hệ thống quản trị 2 chuỗi cung ứng để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu. Có khả năng nắm được những hoạt động hậu cần bên trong doanh nghiệp. Hiểu được cách doanh nghiệp áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hậu cần, quản trị tồn kho, điều phối vận tải và áp dụng các chiến lược hậu cần nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

## 12. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

STT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH		HỌC HÀM HỌC VỊ	CHUYÊN NGÀNH
		Nam	Nữ		
1	Đào Duy Huân	1951		PGS.TS	Quản trị Kinh doanh
2	Nguyễn Tri Khiêm	1947		PGS.TS	Quản trị Kinh doanh
3	Đoàn Hữu Tiến	1959		TS	Kinh tế
4	Võ Thành Khởi	1966		TS	Quản trị Kinh doanh
5	Trần Thị Thùy		1963	TS	Quản trị kinh doanh
6	Nguyễn Hữu Quang	1974		ThS	Quản trị kinh doanh
7	Nguyễn Trần Phước Hậu	1972		ThS	Quản trị kinh doanh
8	Trần Văn Hùng	1976		ThS	Quản trị kinh doanh
9	Trịnh Hoàng Hiệp	1977		ThS	Quản trị kinh doanh
10	Trần Giao Phượng Hà		1984	ThS	Kinh doanh và Quản lý
11	Nguyễn Tấn Minh	1974		ThS	Quản trị kinh doanh
12	Trần Trung Chuyên	1988		ThS	Quản trị kinh doanh
13	Dư Quốc Chí	1989		ThS	Quản trị kinh doanh
14	Trần Hồng Minh Ngọc		1990	ThS	Quản trị kinh doanh
15	Nguyễn Thị Xuân Lan		1961	TS	Kinh tế và quản lý
16	Nguyễn Văn Bằng	1964		TS	Kinh tế và quản lý
17	Nguyễn Thị Mỹ Dung		1958	TS	Kinh tế và quản lý
18	Trần Hữu Xinh	1981		TS	Quản trị Kinh doanh
19	Nguyễn Ngọc Duy Phương	1980		TS	Quản trị và phát triển
20	Trần Xuân Lạp	1955		ThS	Kinh tế chính trị
21	Nguyễn Mạnh Hùng	1972		TS	Quản trị kinh doanh

## 13. Danh sách cố vấn học tập

STT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH		HỌC HÀM HỌC VỊ	CHUYÊN NGÀNH
		Nam	Nữ		
1	Trần Trung Chuyên	1988		ThS	Quản trị kinh doanh
2	Dư Quốc Chí	1989		ThS	Quản trị kinh doanh
3	Trần Hồng Minh Ngọc		1990	ThS	Quản trị kinh doanh
4	Lê Thị Thanh Thúy		1984	ThS	Quản trị kinh doanh

## 14. Cơ sở vật chất

### 14.1 Phòng học và phòng chức năng:

Ngành QTKD thuộc Khoa Kinh tế được bố trí giảng dạy chủ yếu ở các khu C, D và T (khu phòng học trên Thư viện DNC) thuộc Trường Đại học Nam Cần Thơ. Tổng diện tích sử dụng các phòng học là 46.133,27 m<sup>2</sup>. Trong đó bao gồm: 53 phòng học lý thuyết; 07 phòng máy tính (kê cả trên Thư viện DNC); 03 hội trường lớn đáp ứng khoảng 200 đến 500 chỗ ngồi, 05 phòng chuyên đề trên Thư viện DNC với số lượng khoảng 100 chỗ ngồi trên mỗi phòng

Các phòng chức năng như: Phòng họp HĐQT, Phòng truyền thông 1, Phòng truyền thông 2, 05 Phòng chuyên đề, 03 Hội trường (KTX, khu A, khu chữ I) được Nhà trường cho phép sử dụng nhằm phục vụ cho các hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học như: các hội



thảo khoa học, thâm định giáo trình, thâm định bài giảng, đánh giá chương trình đào tạo, tham khảo ý kiến các bên liên quan, tổ chức các buổi nói chuyện giữa các chuyên gia và sinh viên, các doanh nghiệp tiếp xúc với sinh viên,...

#### **14.2 Thư viện**

Thư viện DNC có tổng diện tích là 3.503,54m<sup>2</sup>, được cấu tạo bởi tòa nhà 4 tầng hiện đại. Trong đó, tầng trệt bao gồm phòng tập gym, siêu thị mini. Tầng 1 là Thư viện truyền thống bao gồm: kho sách, khu vực đọc sách, quầy phục vụ bạn đọc. Thư viện điện tử đặt ở tầng 2, bao gồm: khu vực tra cứu tài liệu OPAC, khu vực máy tính và phòng học tập thư giãn. Tầng trên cùng bao gồm các phòng chuyên đề được trang bị đầy đủ các thiết bị, dụng cụ phục vụ tốt cho hoạt động học tập và nghiên cứu

#### **14.3 CSVC phục vụ văn nghệ, thể dục thể thao**

SV ngành QTKD được sử dụng các sân bãi thể dục thể thao như 02 sân tennis, 04 sân bóng chuyền, 02 sân cầu lông, 02 sân bóng đá mini, 02 sân bóng bàn, 02 sân bóng rổ và các dụng cụ dùng để tập thể dục được bố trí kê bên khu ký túc xá. Bên cạnh đó, SV còn được sử dụng phòng tập thể hình phục vụ cho nhu cầu rèn luyện sức khỏe. Các câu lạc bộ như: Câu lạc bộ nữ sinh duyên dáng; Câu lạc bộ võ thuật; Câu lạc bộ anh văn; Câu lạc bộ văn nghệ;... được hình thành giúp cho người học đảm bảo nhu cầu giải trí và rèn luyện sức khỏe.

### **15. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

#### **15.1 Cách quy đổi giờ**

Giờ quy đổi được tính như sau:

- 1 Tín chỉ (TC) = 15 tiết giảng lý thuyết (Các học phần lý thuyết)
  - = 30 đối với học phần thực hành
  - = 60 thực tập tốt nghiệp tại đơn vị thực tập
- Số tiết của các học phần là bội số của 15

**15.2** Chương trình ngành Quản trị kinh doanh được thiết kế theo đơn ngành. Chương trình này được biên soạn trên cơ sở của chương trình khung khối ngành Kinh tế - QTKD do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

**HIỆU TRƯỞNG**



**NGND. GS-TS. Võ Tông Xuân**